

Bản án số: 27/2023/HSST

Ngày: 26/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Tiến Hùng và bà Nguyễn Thị Huyền.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thẩm tra viên và ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Lại Thị Bích Ngọc và ông Nhữ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 22 đến ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2023/TLST- HS ngày 31 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2023, đối với:

** Các bị cáo:*

1. Nguyễn Trung V, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Tổ 1, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Kim Bảng (nguyên Chủ tịch UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam); Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng viên đã bị khai trừ Đảng; Con ông Nguyễn Trần K và bà Đinh Thị T; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ là Hoàng Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2022 đến ngày 30/12/2022 tại ngoại. Hiện áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

2. Lại Tuấn A, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Tổ 5, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Chủ tịch UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng viên đã bị khai trừ Đảng. Con ông Lại Văn A và bà Lê Thị V; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ là Đào Loan P và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/10/2022 đến ngày 30/12/2022 tại ngoại. Hiện áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

3. Phan Thị Ngọc Th, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Cán bộ địa chính thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Trình độ văn hóa: 12/12; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng viên đã bị khai trừ Đảng; Con ông Phan Văn M và bà Phạm Thị M; Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất; Chồng là Vũ Xuân K và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: không. Hiện áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

** Người bào chữa cho các bị cáo:*

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung V: Luật sư Hà Như Khuê và luật sư Huỳnh Thanh Tùng - Văn phòng Luật sư Như Khuê, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Số 16, Phan Văn Trị, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lại Tuấn A: Luật sư Nguyễn Hồng Bách và luật sư Lý Đức Thành Nam - Luật sư Công ty Luật TNHH Hồng Bách và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam. Địa chỉ: Phòng 403, tầng 4, số 85 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Luật sư Nam có mặt, Luật sư Bách vắng mặt.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Phan Thị Ngọc Th: Luật sư Hà Trọng Đại, luật sư Phạm Kỳ Dương - Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Trọng Đại và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ: Tầng 2, số nhà B5D6, KĐT mới quận Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Có mặt tại phiên tòa ngày 22/5/2023, vắng mặt khi tuyên án.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bình M - Chủ tịch UBND thị trấn; Có mặt tại phiên tòa ngày 22/5/2023, vắng mặt khi tuyên án.

2. Chi cục thuế khu vực Kim Bảng - Phủ Lý. Đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thu P - Chi Cục trưởng; Đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Phương A- Phó Chi cục trưởng; Có mặt phiên xét xử sáng ngày 22/5/2023, vắng mặt phiên xét xử chiều ngày 22/5/2023 và khi tuyên án.

3. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980; Trú tại: Tổ 3, thị trấn Q, huyện K, Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 1, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Anh Nghiêm Trọng N, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ dân phố số 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

6. Chị Trịnh Thị Đ, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ dân phố M, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

7. Chị Trương Thị Minh Ph, sinh năm 1984; Trú tại: thôn Y, xã Đ, huyện K tỉnh Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974; Trú tại: tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1974; Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Nơi ở: Số 15, ngõ 259, đường C, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Ông Vũ Mạnh H, sinh năm 1967; Trú tại: Tổ 2, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

11. Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1966; Trú tại: Tổ 7, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Có mặt.

12. Ông Vũ Văn V, sinh năm 1978; Trú tại: Tổ 6, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam; Vắng mặt.

** Những người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Hùng S, sinh năm 1976: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 2. Ông Phạm Hồng S, sinh năm 1971: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 3. Ông Lưu Trần S, sinh năm 1977: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 4. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1976: vắng mặt; 5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975: vắng mặt; 6. Ông Lại Văn M, sinh năm 1967: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 8. Ông Dương Văn Kh, sinh năm 1966: Vắng mặt; 9. Chị Dương Thị Thúy Ph, sinh năm 1982: Có mặt; 10. Ông Đào Hữu N, sinh năm 1957: Vắng mặt; 11. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1981: Có mặt; 12. Ông Vũ Công Đ, sinh năm 1959: Có mặt; 13. Ông Nguyễn Quyết Th, sinh năm 1981: Có mặt; 14. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1967: Có mặt; 15. Ông Lê Anh T, sinh năm 1973: Có mặt; 6. Ông Lê Việt C, sinh năm 1969: Có mặt; 17. Ông Phạm Văn H, sinh năm 1978: Vắng mặt; 18. Ông Lê Xuân C, sinh năm 1956: Có mặt; 19. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 20. Ông Trần Văn T, sinh năm 1982: Có mặt; 21. Ông Trần Đình C, sinh năm 1971: Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Ngày 18/3/2003, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 646/QĐ-UB phê duyệt phương án giải thể doanh nghiệp nhà nước đối với Nông trường Ba Sao, toàn bộ diện tích 11.380.166m² đất của Nông trường được bàn giao lại cho UBND thị trấn B, huyện Kim Bảng quản lý, bao gồm các loại đất: Đất màu 1.824.197m², đồi màu 96,944m², thổ canh 19.960m², cây lâu năm 8.835m², cây lâm nghiệp 675.605m², đất chè 703.224m², đất dâu

466.670m², lúa màu 2.380m², đất ao 77.740m² và các loại đất khác như thung lũng, giao thông, sông suối, đồi núi hoang...

Quá trình tổ chức thực hiện việc quản lý, sử dụng đất đai tại địa phương đã nảy sinh một số khó khăn, vướng mắc, các hộ gia đình sử dụng đất có nguồn gốc nhận giao khoán của Nông trường Ba Sao đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Nam, UBND huyện Kim Bảng đã thành lập Tổ công tác trực tiếp rà soát để tham mưu giải quyết, tổ chức hội nghị và xin ý kiến tham gia của các Sở, ngành đối với dự thảo báo cáo đề xuất phương án giải quyết của UBND huyện. Sau khi có ý kiến tham gia của Sở tài nguyên và môi trường, Sở xây dựng, Thanh tra, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở tư pháp tỉnh và kết luận của Ban Thường vụ huyện ủy, UBND huyện Kim Bảng ban hành Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 17/11/2015 xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, HĐND-UBND tỉnh, trong đó có nội dung đề xuất giao cho UBND thị trấn B thực hiện ký hợp đồng cho thuê đất theo thẩm quyền đối với diện tích đất có nguồn gốc do Nông trường Ba Sao giao lại.

Ngày 07/12/2015, UBND tỉnh Hà Nam ban hành văn bản số 2619/UBND-NN&TN&MT về phương án giải quyết đất nông nghiệp do Nông trường Ba Sao trước đây đã bàn giao cho địa phương quản lý sử dụng, gửi các Sở ngành, huyện ủy, UBND huyện Kim Bảng... trong đó có nội dung: *“Đồng ý phương án giải quyết đất có nguồn gốc do Nông trường Ba Sao trước đây đã giải thể, bàn giao cho địa phương quản lý để các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng theo hiện trạng được thuê đất nông nghiệp phù hợp với quy hoạch như đề nghị thống nhất của Huyện ủy, UBND huyện Kim Bảng và các Sở, ngành có liên quan cụ thể như sau: (-) Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất được thực hiện theo hình thức cho thuê đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp, UBND thị trấn B ký hợp đồng cho thuê đất với các hộ gia đình, cá nhân, với thời hạn cho thuê không quá 5 năm theo khoản 3 Điều 132 Luật đất đai năm 2013 và quy định có liên quan (Không áp dụng hình thức giao đất nông nghiệp do không phù hợp quy hoạch). (-) Đối tượng thuê đất: Là các hộ gia đình, cá nhân hiện trạng đang sử dụng đất, có nhu cầu, làm đơn xin thuê đất nông nghiệp không phân biệt hộ được giao khoán trước đây với hộ kinh tế mới; hộ đã nhận chuyển nhượng đất từ các hộ được Nông trường Ba Sao giao khoán trước đây; hộ có hay không có hộ khẩu ở thị trấn B...”*

Ngày 08/12/2015, UBND huyện Kim Bảng có Văn bản số 630/UBND-VP đề nghị UBND tỉnh Hà Nam giao cho Sở, ngành chức năng phối hợp với UBND huyện Kim Bảng tổ chức công bố phương án giải quyết đất nông nghiệp do Nông trường Ba Sao bàn giao cho địa phương. Cùng ngày 08/12/2015, UBND tỉnh Hà Nam ra Văn bản số 2629/UBND- NN&TN&MT giao cho UBND huyện Kim Bảng chủ trì tổ chức hội nghị công khai phương án theo Văn bản số 2619 ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh.

Trong thời gian từ tháng 12/2015 đến tháng 8/2022, Ban Thường vụ đảng ủy thị trấn B qua các nhiệm kỳ gồm các ông Vũ Công Đ - Bí thư Đảng ủy, ông Nguyễn Văn S - Phó Bí thư Đảng ủy, ông Nguyễn Quyết Th - Phó Chủ tịch UBND, ông Lê Việt C - Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc, ông Lê Anh T - Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị trấn B, các ông Trần Đình C, Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A là Chủ tịch UBND thị trấn qua các thời kỳ đã họp và ra Nghị quyết giao cho UBND thị trấn B ký các hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp. Lãnh đạo UBND thị trấn B đã giao cho cán bộ địa chính là ông Đào Hữu N (từ năm 2000 đến tháng 7/2016), Phan Thị Ngọc T (từ tháng 7/2016 đến tháng 10/2022) có trách nhiệm lập hợp đồng, kiểm tra diện tích đất và số liệu thông tin về đất đai để cho thuê với thời hạn thuê đất không quá 05 năm. Chị Dương Thị Thúy Ph là cán bộ tài chính kế toán có trách nhiệm tính giá cho thuê đất và thu tiền thuê đất theo giá quy định về cho thuê đất, thuê mặt nước của UBND tỉnh Hà Nam ở từng thời điểm. Tổng số hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp mà UBND thị trấn B đã ký cho các hộ gia đình và cá nhân thuê là 611 hợp đồng với tổng diện tích đất cho thuê (theo hợp đồng) là 2.733.744m², tổng số tiền thuê đất thu nộp ngân sách nhà nước là 1.581.984.570 đồng, hiện nay đã thu tiền của 198 hợp đồng là 622.863.710 đồng, còn 413 hợp đồng chưa thu là 959.120.860 đồng, cụ thể:

Ông Trần Đình C, nguyên Chủ tịch UBND thị trấn B (từ tháng 6/2015 đến tháng 4/2017) ký 16 hợp đồng với tổng diện tích đất cho thuê là 86.367m². Nguyễn Trung V, nguyên Chủ tịch UBND thị trấn B (từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2021) ký 306 hợp đồng, với tổng diện tích đất cho thuê là 1.740.278m². Trong đó từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017 ký 09 hợp đồng với tổng diện tích đất cho thuê là 28.477m², từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2021 ký 297 hợp đồng với tổng diện tích đất cho thuê là 1.711.80m². Lại Tuấn A, Chủ tịch UBND thị trấn B (từ tháng 01/2021 đến tháng 08/2022) ký 289 hợp đồng với tổng diện tích đất cho thuê là 907.099,8m².

Trong 611 hợp đồng cho thuê đất trên có 08 hợp đồng do ông Đào Hữu N (cán bộ địa chính đến tháng 6/2016) và 603 hợp đồng do Phan Thị Ngọc Th (cán bộ địa chính từ tháng 7/2016 đến tháng 9/2022) tham gia thực hiện.

Ngày 29/9/2022 và ngày 18/11/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Hà Nam (CSĐT) có văn bản yêu cầu định giá đối với diện tích đất theo các hợp đồng do ông Trần Đình C, Nguyễn Trung V và Lại Tuấn A đã ký.

Kết luận định giá tài sản số 17/TB - HĐĐGTS ngày 03/01/2022 và Kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự tỉnh Hà Nam xác định:

Đối với 16 hợp đồng do ông Trần Đình C ký với tổng diện tích cho thuê 86.367m² có giá trị 3.924.400 đồng.

Đối với 306 hợp đồng do Nguyễn Trung V ký với tổng diện tích cho thuê 1.740.278m² có giá trị 101.491.212.000 đồng.

Đối với 289 hợp đồng do Lại Tuấn A ký với tổng diện tích cho thuê 907.099,8 m² có giá trị 55.063.824.000 đồng.

Ngày 28/11/2022, Cơ quan CSĐT ra Quyết định số 132/QĐ-CSĐT trưng cầu Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam giám định thiệt hại tiền ngân sách nhà nước liên quan đến việc UBND thị trấn B đã ký 611 hợp đồng cho các hộ gia đình, cá nhân thuê đất nông nghiệp từ năm 2015 đến tháng 8 năm 2022.

Kết luận giám định số 2868/KL-STN&MT ngày 16/12/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam kết luận: “UBND thị trấn B đã áp dụng các quy định của UBND tỉnh Hà Nam (Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam do UBND tỉnh đã ban hành theo từng giai đoạn, gồm: Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014, Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 20/5/2020...; Mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất do UBND tỉnh Hà Nam quy định đối với các trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm không thông qua đấu giá; Hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh Hà Nam quy định hàng năm) để chủ động xác định giá đất tính thu tiền thuê đất trong các Hợp đồng thuê đất nông nghiệp đã ký kết là phù hợp với quy định của Chính phủ tại các Nghị định: Nghị định 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; Nghị định 46/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 quy định sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Thông tư số 77/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Nghị định 46/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Tổng số tiền 1.581.948.570 đồng thu được từ việc cho thuê đất tại các Hợp đồng thuê đất nông nghiệp đã ký kết giữa UBND thị trấn B với các hộ gia đình, cá nhân 611 hợp đồng đã được UBND thị trấn B làm thủ tục nộp ngân sách Nhà nước là đúng quy định tại Điều 132 Luật đất đai năm 2013”.

Ngày 21/11/2022, Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu giám định số 131/QĐ - CSĐT, trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký dưới mục “Bên cho thuê” tại 611 hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp do Cơ quan CSĐT đã thu giữ tại UBND thị trấn B.

Tại Kết luận giám định số 770/KL-KTHS ngày 30/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

(1) Chữ ký đứng tên Chủ tịch - Lại Tuấn A và chữ ký không đứng tên dưới mục “BÊN CHO THUÊ ĐẤT” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A40, từ A42 đến A174, từ A177 đến A289 so với chữ ký của Lại Tuấn A trên mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

(2) Chữ ký đứng tên Chủ tịch - Nguyễn Trung V và chữ ký không đứng tên dưới mục “BÊN CHO THUÊ ĐẤT” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ

A290 đến A296, từ A298 đến A301, từ A303 đến A377, từ A340 đến A372, từ A374 đến A381, từ A383 đến A427, từ A429 đến A477, từ A479 đến A533, từ A535 đến A 562, từ A564 đến A595 so với chữ ký của Nguyễn Trung V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M9 do cùng một người ký ra.

(3) Chữ ký đứng tên Lưu Thị Y, Phan Thị D, Hoàng Thị M, Vũ Thị H, Trịnh Văn H dưới mục “BÊN CHO THUÊ ĐẤT” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A297, A302, A338, A339, A373, A428, A563 khác dạng so với chữ ký của Nguyễn Trung V trên mẫu so sánh ký hiệu từ M6 đến M9 nên không đủ cơ sở kết luận có phải do cùng một người ký ra hay không.

(4) Tài liệu cần giám định A41 và A382 là tài liệu photocopy nên không tiến hành giám định.

(5) Chữ ký đứng tên Chủ tịch - Trần Đình C và chữ ký không đứng tên dưới mục “BÊN CHO THUÊ ĐẤT” trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A596 đến A611 so với chữ ký của Trần Đình C trên mẫu so sánh ký hiệu từ M10 đến M13 do cùng một người ký ra.

Quá trình điều tra Trần Đình C, Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A, Phan Thị Ngọc Th, Đào Hữu N và Dương Thị Thúy Ph khai nhận việc soạn thảo, tính toán giá cho thuê và ký hợp đồng cho thuê đất đều xác định diện tích đất Nông trường Ba Sao giao lại cho địa phương quản lý thuộc loại đất nông nghiệp, thẩm quyền cho thuê đất nông nghiệp thuộc UBND huyện Kim Bảng, UBND thị trấn B ký hợp đồng cho thuê đất là trái thẩm quyền; tuy nhiên họ đều thực hiện theo Nghị quyết của Đảng ủy thị trấn và Văn bản số 2619 /UBND-NN&TNMT ngày 07/12/2015 của UBND tỉnh Hà Nam.

Ông Phạm Hồng S - nguyên Chủ tịch UBND huyện Kim Bảng là người ký Báo cáo số 209/BC-UBND ngày 17/11/2015 của UBND huyện Kim Bảng và ông Hoàng Văn L - nguyên Trưởng phòng tài nguyên và môi trường huyện Kim Bảng là người tham mưu cho UBND huyện Kim Bảng ban hành Báo cáo số 209/BC-UBND đều có quan điểm cho rằng diện tích đất nông nghiệp do Nông trường Ba Sao giao cho UBND thị trấn B quản lý thuộc loại đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích nên đã tham mưu và báo cáo UBND tỉnh Hà Nam giao cho UBND thị trấn B ký hợp đồng cho thuê đất.

Ông Trương Minh H - nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam là người ký văn bản số 2619/UBND-NN&TNMT ngày 07/12/20215 xác định diện tích đất Nông trường Ba Sao giao lại thuộc loại đất nông nghiệp là nguồn hình thành đất công ích theo Điều 132 Luật Đất đai nên UBND thị trấn B có thẩm quyền cho thuê theo quy định tại Điều 59 Luật đất đai; Văn bản số 2619 ngày 07/12/2015 chỉ có hiệu lực một lần tại thời điểm ban hành.

Phòng tài nguyên và môi trường huyện Kim Bảng có Báo cáo số 58/BC-TNMT ngày 10/11/2022 xác định hiện nay quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn thị trấn B, huyện K không có quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích.

Quá trình điều tra còn xác định:

1. Vi phạm trong việc cấp GCNQSDĐ của Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bảng, Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam, cụ thể: Từ năm 2020 đến tháng 8/2022, tổng số GCNQSDĐ đã cấp cho các hộ dân trên địa bàn thị trấn B là 1.093 trường hợp. Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Kim Bảng được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam giao tổ chức tiếp nhận hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ, đo đạc chỉnh lý, vẽ sơ đồ thửa đất, lập biên bản kiểm tra xác minh hiện trạng thửa đất, lập phiếu chuyển thông tin gửi cơ quan thuế, in giấy chứng nhận trình Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam ký. Quá trình thực hiện việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho các hộ trên địa bàn thị trấn B, ông Dương Văn Kh - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Kim Bảng đã chỉ đạo cán bộ trích đo thửa đất theo nội dung, yêu cầu đề nghị của chủ sử dụng đất. Trên cơ sở kết quả trích đo hiện trạng thửa đất, chủ sử dụng đất thực hiện thủ tục chuyển quyền (chuyển nhượng, tặng cho, chia thừa kế) tại các Văn phòng, Phòng công chứng với diện tích đất thổ cư, còn lại diện tích đất nông nghiệp thuê của UBND thì người nhận chuyển quyền sẽ ký hợp đồng với UBND thị trấn B để thuê lại diện tích đó.

Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bảng cùng với lãnh đạo UBND thị trấn B là Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A, Phan Thị Ngọc Th và chủ sử dụng đất lập biên bản kiểm tra xác minh hiện trạng thửa đất, ký xác nhận và đề nghị Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp GCNQSDĐ cho các chủ sử dụng đất với tổng diện tích bao gồm cả đất ở ODT và đất UB có nguồn gốc do UBND thị trấn B ký hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp. Sau khi chủ sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính, đối với trường hợp chỉ yêu cầu ghi nhận thông tin thay đổi trên GCNQSDĐ (trang 4) thì trực tiếp Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai là ông Dương Văn Kh sẽ ký xác nhận vào trang 4 của GCNQSDĐ. Đối với trường hợp yêu cầu cấp mới GCNQSDĐ thì Văn phòng đăng ký đất đai huyện thực hiện việc in giấy chứng nhận trong đó bao gồm cả diện tích đất ODT và đất UB do UBND thị trấn B quản lý, sau đó chuyển hồ sơ và phôi GCNQSDĐ đến Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và môi trường tỉnh, bàn giao cho bà Lê Thị Thanh H tiếp nhận kiểm tra, trình ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và môi trường tỉnh thẩm định ký xác nhận, trình lãnh đạo Sở tài nguyên và môi trường tỉnh là ông Lại Văn M - Phó giám đốc và ông Nguyễn Văn T - Phó giám đốc ký GCNQSDĐ cho các hộ gia đình và cá nhân.

Trong số 1.093 trường hợp được Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Kim Bảng thực hiện việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho các hộ tách thửa, chuyển nhượng, cho tặng trên địa bàn thị trấn B và đã được Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bảng ghi nội dung điều chỉnh biên động (trang 4), Sở tài nguyên và môi trường tỉnh cấp lại GCNQSDĐ nêu trên có tổng số 560 trường hợp GCNQSDĐ tại trang 2 có ghi diện tích và trang 3 có sơ đồ thửa đất đều thể hiện diện tích đất thổ cư và diện tích đất thuê của UBND thị trấn B tổng cộng

798.718m² (ông Lại Văn M ký 367 giấy, ông Nguyễn Văn T ký 83 giấy, ông Dương Văn Kh ký 110 giấy). Tại mục “Hình thức sử dụng” trên các GCNQSDĐ này chỉ ghi diện tích sử dụng riêng là diện tích đất thổ cư, diện tích đất thuê của UB không ghi thông tin gì. Việc trong các GCNQSDĐ nêu trên đã thể hiện tổng diện tích thửa đất (bao gồm cả diện tích đất thổ cư, diện tích đất thuê) và sơ đồ thửa đất cũng thể hiện cả phần diện tích đất này nhưng lại không ghi nhận cụ thể về mục đích sử dụng, thời hạn sử dụng và nguồn gốc sử dụng của phần diện tích đất thuê là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 6 Thông tư 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định về nội dung GCNQSDĐ, quyền sử hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất.

Ông Dương Văn K, ông Nguyễn Văn T, ông Lại Văn M và ông Nguyễn Văn T đều xác nhận quá trình thẩm định hồ sơ, cấp GCNQSDĐ các ông có kiểm tra hồ sơ nhưng không phát hiện hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân trong đó bao gồm cả đất sử dụng riêng ODT và diện tích đất nông nghiệp thuê của UBND thị trấn B là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định 43/NĐ-CP của Chính phủ. Kết quả điều tra không có căn cứ xác định việc trao đổi, bàn bạc, thống nhất giữa các ông Dương Văn Kh, Nguyễn Văn T, Lại Văn M, Nguyễn Văn T với các bị cáo để thực hiện việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình và cá nhân trong đó có ghi nhận cả diện tích đất thuê của UBND thị trấn B.

2. Vi phạm trong việc kê khai giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm mục đích trốn thuế thu nhập cá nhân (TNCN) khi thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, cụ thể:

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974, trú tại tổ 1, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam là chủ sử dụng các thửa đất tại thị trấn B gồm: thửa số 10, tờ bản đồ PL 13, diện tích 2028m²; thửa số 117, tờ bản đồ PL25, diện tích 13.469 m² gồm 360m² đất ODT và 13.109m² đất UB; thửa số 49, tờ bản đồ PL14 diện tích 1.748m² gồm 120m² đất ODT và 2.628m² đất UB; thửa số 74, tờ bản đồ PL6, diện tích 169m². Năm 2022, ông Nguyễn Văn Q làm thủ tục tách thửa số 10 thành 09 xuất, sau đó làm thủ tục chuyển nhượng tổng số 11 thửa cho:

+ Chị Lê Thị L, sinh năm 1989, trú tại: thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam, diện tích 92m², giá bán 552.000.000 đồng, tiền thuế TNCN đã nộp 5.980.000 đồng.

+ Ông Ngô Đức L, sinh năm 1972, trú tại tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam diện tích 233m², gồm 62 m² đất ODT và 171m² đất CLN, giá bán 422.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 4.260.000 đồng.

+ Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1974, trú tại tổ 7, phường L, thành phố P, Hà Nam, diện tích 90m², giá 540.000.000 đồng, tiền thuế TNCN đã nộp là 5.840.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974, trú tại thôn Cỏ Diễn B, xã, huyện T, Hà Nội, diện tích 121m², giá 726.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 7.860.000 đồng.

+ Bà Lê Thị D, sinh năm 1959, trú tại thôn tổ 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam, diện tích 924m² (trong đó 128m² đất ODT và 796 m² đất CLN) giá 848.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 9.460.000 đồng.

+ Ông Đinh Văn T, sinh năm 1980, trú tại thôn 2, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, diện tích 134m² (trong đó 62m² đất ODT và 72 m² đất CLN) giá 402.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 4.160.000 đồng.

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982, trú tại xóm 5, xã Th, huyện K, Hà Nam, diện tích 108m², giá 648.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 7.020.000 đồng.

+ Ông Bùi Văn D, sinh năm 1987, trú tại thôn T, xã Th, huyện K, Hà Nam, diện tích 90m², giá 540.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 5.840.000 đồng.

+ Thừa số 74, tờ bản đồ số PL6, diện tích 169m², bán cho Nguyễn Xuân B, sinh năm 1984, trú tại thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam giá bán 2.850.000.000 đồng, tiền thuế TNCN đã nộp 24.716.250 đồng.

+ Thừa số 49, tờ bản đồ PL14, diện tích 1748m² bán cho Lê Xuân V, sinh năm 1954, trú tại thôn T, xã Th, huyện K, tỉnh Hà Nam giá bán 740.000.000 đồng, tiền thuế TNCN đã nộp 7.800.000 đồng.

+ Thừa số 117, tờ bản đồ PL25, diện tích 13.469m² tách cho con trai Nguyễn Ngọc L, con gái Nguyễn Thu H, bố vợ Lê Văn M mỗi người 90m² đất ODT và chuyển nhượng cho Lê Thị Thu H, sinh năm 1983, trú tại tổ 2, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam diện tích 90m² đất ODT, giá bán 300.000.000 đồng, thuế TNCN đã nộp 1.080.000 đồng.

Tổng số tiền thu được từ việc bán 11 thửa đất trên là 8.588.000.000 đồng, theo quy định số thuế TNCN ông Nguyễn Văn Q phải nộp là 8.588.000.000 đồng x 2% = 171.760.000 đồng. Số tiền thuế TNCN ông Nguyễn Văn Q đã kê khai giá chuyển nhượng thấp hơn so với thực tế để nộp 84.016.000 đồng, số tiền thuế trốn không nộp là 87.743.750 đồng. Ngày 22/11/2022, ông Nguyễn Văn Q tự nguyện nộp 87.743.750 đồng vào tài khoản của Công an tỉnh Hà Nam mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Hà Nam để khắc phục hậu quả.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1980, trú tại tổ 3, thị trấn Q, huyện K; anh Nghiêm Trọng N, sinh năm 1990 trú tại tổ dân phố số 2, thị trấn B, huyện K; chị Ngô Thị Th, sinh năm 1983, trú tại tổ 1, phường T, thành phố P, chị Trịnh Thị Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn M, phường L, thành phố P và chị Trương Thị Minh Ph, sinh năm 1984, trú tại thôn Y, xã Đ, huyện K: Tháng 2/2022, năm người trên cùng chung nhau nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 05 thửa đất, thuộc tổ 7, thị trấn B, huyện K với tổng

diện tích là 4.638m² (gồm 360m² đất ODT và 4.278m² đất UB). Tháng 3/2022, thông qua Vũ Xuân K, trú tại tổ 4, thị trấn Q, huyện K, năm người trên thông nhất chuyển nhượng cả 05 thửa cho chị Nguyễn Thị Minh Th, sinh năm 1984, trú tại khu tái định cư D, phường C, thành phố P với giá 4.100.000.000 đồng và làm thủ tục mang tên người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn B địa chỉ tổ dân phố Y, phường C, thành phố P; Lại Văn Th địa chỉ tổ dân phố T, phường C, thành phố P; Phan Văn M, địa chỉ tổ dân phố Thượng Tổ 2, phường T, thành phố P; Vũ Trọng Q, địa chỉ tổ dân phố T, phường C, thành phố P; Đỗ Duy Tr, địa chỉ tổ 2, phường T, quận H, Hà Nội.

Quá trình kê khai nộp thuế, những người trên không kê khai đúng giá trị chuyển nhượng nên cơ quan thuế đã áp giá đất theo quy định của UBND tỉnh để tính số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp là 8.920.000 đồng. Quá trình điều tra, năm người trên đã khai nhận sai phạm của mình và tự nguyện trình báo số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là 4.100.000.000 đồng $\times 2\% = 82.000.000$ đồng, đối trừ số thuế đã nộp là 8.920.000 đồng, chị Nguyễn Thị Q đại diện giao nộp 72.080.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1974, trú tại tổ 9, phường V, quận H, Hà Nội là chủ sử dụng thửa đất số 24 và thửa đất số 28, tờ PL15, tổ 6, thị trấn B, có tổng diện tích 360m² đất ODT, trong đó thửa số 28 diện tích 180m² đất ODT là tài sản riêng của bà Nguyễn Thị Thanh L do được tặng cho. Tháng 3/2022 thông qua ông Phạm Văn N, sinh năm 1974, trú tại thôn 2, L, xã Đ, huyện K, ông Nguyễn Mạnh H và bà Nguyễn Thị Thanh L đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1976, trú tại B, phường H, quận H, Hà Nội với số tiền 3.700.000.000 đồng, tương ứng số tiền thuế TNCN phải nộp là 74.000.000 đồng. Tuy nhiên hợp đồng chuyển nhượng chỉ ghi giá trị là 100.000.000 đồng, Chi cục thuế khu vực Phủ Lý- Kim Bảng đã tính thuế TNCN theo giá đất của UBND tỉnh Hà Nam, gia đình ông Nguyễn Mạnh H đã nộp thuế TNCN của 02 thửa là 18.000.000 đồng, số tiền tròn thuế TNCN là 56.000.000 đồng.

Việc chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1966, trú tại tổ 7, thị trấn B, huyện K là chủ sử dụng thửa đất số 52 tờ PL 15, tổng diện tích 1.697m²: Tháng 3/2022 ông Nguyễn Ngọc S chuyển nhượng cho ông Đinh Văn D, sinh năm 1978 trú tại thôn L, xã Đ, huyện K với giá 2.200.000.000 đồng, ghi trong Hợp đồng chuyển nhượng là 100.000.000 đồng, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, ông Nguyễn Ngọc S đã nộp thuế TNCN là 6.000.000 đồng theo thông báo của cơ quan thuế. Thực tế số tiền thuế TNCN còn thiếu là 38.000.000 đồng. Ông Nguyễn Ngọc S tự nguyện nộp đủ số tiền trên ngày 11/01/2023.

Việc chuyển nhượng đất của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1978 và bà Trần Thị Th sinh năm 1980, cùng trú tại tổ 6, thị trấn B, huyện K là chủ sử dụng thửa đất số 6, tờ PL15, thuộc tổ 6, thị trấn B có tổng diện tích là

2.212m². Tháng 3 năm 2021, ông V chuyển nhượng cho ông Trần Văn T, sinh năm 1973, trú tại thôn 2, xã T, huyện K với giá 4.000.000.000 đồng nhưng chỉ ghi trong hợp đồng chuyển nhượng là 100.000.000 đồng, khi làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, ông V đã nộp thuế TNCN là 18.000.000 đồng theo tính thuế của cơ quan thuế. Thực tế số tiền thuế TNCN phải nộp là 4.000.000.000 đồng x 2% = 80.000.000 đồng; số tiền trốn thuế là 62.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã thu giữ các vật chứng, tài sản sau:

Thu giữ của Lại Tuấn A 01 điện thoại di động Samsung Galaxy note 20 Ultra màu đồng đã qua sử dụng; Nguyễn Trung V 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S21 màu đen đã qua sử dụng.

Khám xét chỗ ở và nơi làm việc của Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A, Phan Thị Ngọc Th đã thu giữ một số tài liệu là sổ sách, văn bản, quyết định liên quan đến công tác quản lý đất đai tại thị trấn B, huyện K.

Thu của ông Nguyễn Văn Q số tiền 87.743.750 đồng; chị Nguyễn Thị Q 73.080.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc S 38.000.000 đồng.

Cáo trạng số 34/CT-VKSHN-P1 ngày 28/4/2023 (thay thế Cáo trạng số 22/CT-VKSHN-P1 ngày 30/3/2023), Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A và Phan Thị Ngọc Th về tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” theo điểm b khoản 3 Điều 229 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trình bày quan điểm: Giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A và Phan Thị Ngọc Th phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”. Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 229; điểm h, s, v khoản 1, khoản 2 (khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A) Điều 51; Điều 17; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A mỗi bị cáo từ 30 - 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm; bị cáo Phan Thị Ngọc Th từ 26 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời gian từ 02 đến 03 năm kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: trả lại điện thoại đã thu giữ cho bị cáo Nguyễn Trung V và Lại Tuấn A; đối với số tiền đã thu giữ của những người nộp thuế là 198.823.750 đồng giao cho Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng nộp ngân sách nhà nước; đề nghị truy thu thuế đối với các cá nhân đã làm rõ việc trốn thuế. Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Trung V trình bày: Trong vụ án, điều cơ bản phải xem xét nguyên nhân, động cơ, mục đích và điều kiện phạm tội; các bị cáo thực hiện nhiệm vụ phải tuân thủ chỉ đạo (bị động trong công việc), hoàn

toàn tin tưởng vào cấp trên (chỉ đạo bằng văn bản và cả Nghị quyết của Thường trực đảng ủy thị trấn B...) mà không vì mục đích nào khác, không có yếu tố vụ lợi. Nhất trí quan điểm của Viện kiểm sát là các bị cáo phạm tội không vụ lợi, không vì lợi ích cá nhân mà chỉ có mục đích ổn định tình hình địa phương, ổn định trong nhân dân, tránh lãng phí quỹ đất và thu ngân sách cho nhà nước. Quá trình điều tra căn cứ Báo cáo số 58/BC-TNMT ngày 10/11/2022 để xác định nguồn gốc đất không phải là đất công ích là không có cơ sở vì các bị cáo đã phạm tội thời điểm trước đó. Bị cáo có nhân thân tốt, trong công tác có nhiều thành tích được khen thưởng nhiều năm, gia đình bố mẹ có công được tặng thưởng Huân, huy chương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo tại điểm h, s, v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Nguyễn Trung V được hưởng án treo, cải tạo tại địa phương.

Người bào chữa của bị cáo Lại Tuấn A trình bày: Nhất trí quan điểm về nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, hậu quả mà Luật sư đồng nghiệp đã trình bày; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kỹ nguyên nhân phạm tội, cụ thể: (1) Cả quá trình quản lý, sử dụng, biến động của nguồn đất đai đó, UBND thị trấn B đều tiếp nhận từ cơ quan cấp trên có thẩm quyền; trong quá trình quản lý phát sinh nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp đối với địa phương (phát sinh khiếu nại, khiếu kiện của người dân...) cần phải xử lý, giải quyết nên UBND thị trấn đã có báo cáo, UBND huyện Kim Bảng trên cơ sở tham mưu của các bộ phận chuyên môn đã tham mưu và có báo cáo lên UBND tỉnh; UBND tỉnh trên cơ sở tham mưu của Sở, ngành nên đã ban hành Văn bản số 2619 ngày 07/12/2015, giao trách nhiệm cho UBND thị trấn thực hiện kế hoạch cho thuê đất; UBND thị trấn đã họp, đưa vào Nghị quyết, coi là tiêu chí thực hiện; Quá trình thực hiện UBND huyện có văn bản đôn đốc và qua thanh kiểm tra hàng năm đều có kết luận xác định đó là đất công ích, chính vì vậy việc cho thuê đất đã diễn ra ở mấy kỳ Chủ tịch thị trấn; chính từ nhận thức và vào cuộc của cả hệ thống từ tỉnh xuống huyện dẫn đến nhận thức của các bị cáo trong vụ án tin tưởng chỉ đạo cấp trên, thực hiện nghiêm túc kế hoạch cho thuê đất. Hậu quả của vụ án không tiêu cực mà còn làm lợi cho ngân sách, giúp ổn định tình hình địa phương, tránh lãng phí quỹ đất. Về vai trò, bị cáo Lại Tuấn A thực hiện ký hợp đồng cho thuê theo diễn biến các kỳ Chủ tịch trước đã ký; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đủ điều kiện xem xét cho hưởng án treo, tuy nhiên mức đề nghị án treo đối với bị cáo Lại Tuấn A bằng với bị cáo Nguyễn Trung V là chưa đảm bảo công bằng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Người bào chữa của bị cáo Phan Thị Ngọc Th trình bày: Đồng tình quan điểm các Luật sư; đối với vai trò của bị cáo Phan Thị Ngọc Th tại giai đoạn đầu chỉ cung cấp mẫu hợp đồng cho thuê cho các bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A; sau này mới soạn thảo mẫu theo yêu cầu chỉ đạo của lãnh đạo thị trấn, mặt khác việc tham mưu về nội dung hợp đồng còn có vai trò của tư pháp thị trấn như trình bày của bị cáo; Các bị cáo chỉ có sai phạm một quy trình công việc, các kết luận thanh kiểm tra đều xác định không sai phạm. Việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với cả bị cáo Phan Thị Ngọc Th là

chưa thỏa đáng, bởi bị cáo Thương giữ vai trò không đáng kể trong vụ án. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vai trò, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Thị Ngọc Th, cho bị cáo mức án thấp nhất, dưới khung hình phạt liên kề của khoản 2 Điều 229 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo nhất trí quan điểm tranh luận của các Luật sư, chỉ đề nghị giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A và Phan Thị Ngọc Th trình bày đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi của các bị cáo xuất phát từ nguyên nhân phải thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở văn bản có nội dung chỉ đạo của cấp trên, không vì mục đích vụ lợi, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt, được cải tạo tại địa phương.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, các kết luận giám định, vật chứng thu giữ và tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Nên đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2022, các bị cáo biết diện tích đất Nông trường Ba Sao bàn giao lại cho UBND thị trấn B quản lý thuộc loại đất nông nghiệp (chưa được cấp có thẩm quyền quy hoạch, phê duyệt vào quỹ đất công ích của thị trấn), thẩm quyền cho thuê đất thuộc UBND huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Ngày 07/12/2015, UBND tỉnh Hà Nam ban hành văn bản số 2619/UBND-NN&TN&MT, trong đó có nội dung giao UBND thị trấn B ký hợp đồng cho thuê đất với các hộ gia đình, cá nhân; mặc dù đây chỉ là văn bản hành chính, không mang tính bắt buộc nhưng Nguyễn Trung V (Chủ tịch UBND thị trấn B từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2021), Lại Tuấn A (Chủ tịch UBND thị trấn B từ tháng 01/2022 đến tháng 8/2022) đã chỉ đạo Phan Thị Ngọc Th - cán bộ địa chính và chị Dương Thị Thúy Ph - cán bộ tài chính kế toán của UBND thị trấn B soạn thảo các hợp đồng, tính giá trị tiền thuê đất cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu thuê đất để Nguyễn Trung V ký 297 hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp, tổng diện tích

1.711.801m², có giá trị quyền sử dụng đất 100.068.212.000 đồng; Lại Tuấn A ký 289 hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp, tổng diện tích 907.099,8 m², có giá trị quyền sử dụng đất 55.063.824.000 đồng.

Hành vi của Nguyễn Trung V và Lại Tuấn A ký hợp đồng cho các hộ gia đình và cá nhân thuê đất nông nghiệp nêu trên là trái thẩm quyền quy định tại Điều 59 Luật đất đai năm 2013; Phan Thị Ngọc Th là người cung cấp và soạn thảo 586 hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp để Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A ký nên đồng phạm với vai trò là người giúp sức; đã phạm vào tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 229 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất của tội phạm: Hành vi phạm tội của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến các quy định và trật tự quản lý đất đai, uy tín của cơ quan Nhà nước; được dư luận quan tâm, cần phải xử lý trước pháp luật.

[4] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo:

Về nhân thân: Cả ba bị cáo đều có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn, ăn năn, hối cải; đều không vì động cơ vụ lợi hoặc mục đích cá nhân; chưa gây thiệt hại; quá trình công tác: (1) bị cáo Nguyễn Trung V hàng năm đều hoàn thành nhiệm vụ, được tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam năm 2017, 2019; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số năm 2013, nhiều Giấy khen của UBND huyện Kim Bảng; có bố đẻ là ông Nguyễn Trần K tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, là thương binh hạng $\frac{3}{4}$, thương tật 71%, được tặng 01 Huân chương kháng chiến hạng nhì, 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng, 01 Huy chương kháng chiến hạng nhất; mẹ đẻ là bà Đinh Thị T được tặng 01 Huy chương kháng chiến hạng nhất; (2) bị cáo Lại Tuấn A hàng năm đều hoàn thành công tác thể hiện được tặng Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2020, Giấy khen của UBND huyện Kim Bảng năm 2016 đến 2021; có bố đẻ Lại Văn A được tặng 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương hữu nghị của Campuchia, 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang; mẹ đẻ được tặng Bằng khen của Bộ tư lệnh quân khu 3 năm 1978, 1982, Kỷ niệm chương Vì sự nghiệp giáo dục năm 2008; có thân nhân là ông Đào Trọng Kh được tặng 01 Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2013, Bằng khen của Ban chỉ đạo 127/TW năm 2008 2009, 2011, 2012, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ thương mại năm 2007, Bộ công thương năm 2010; (3) bị cáo Phan Thị Ngọc Th hàng năm đều hoàn thành công tác thể hiện được tặng Giấy khen của UBND thị trấn B các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 (có 01 của UBND huyện Kim Bảng), giai đoạn 2010 -2015, Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2013, 2014; nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết tại điểm h, s, v khoản 1; bị cáo Nguyễn Trung V và Lại Tuấn A được hưởng tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong vụ án bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A thời điểm thực hiện hành vi phạm tội đều là Chủ tịch UBND thị trấn B nhưng bị cáo Nguyễn Trung V có vai trò cao hơn do ký hợp đồng cho thuê diện tích đất nhiều hơn (1.711.801m²), giá trị đất cao hơn (100.068.212.000 đồng) so với bị cáo Lại Tuấn A (907.099,8m²), giá trị đất (55.063.824.000 đồng), Phan Thị Ngọc Th đồng phạm chịu trách nhiệm với vai trò giúp sức trong vụ án.

[5] Về hình phạt: Xem xét toàn diện vụ án, nhất là hoàn cảnh, nguyên nhân và điều kiện dẫn đến vụ án xảy ra; ba bị cáo đều thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao nhưng vì lý do khách quan và chủ quan đã vi phạm pháp luật; xem xét tính chất mức độ, ảnh hưởng của vụ án, vai trò của từng bị cáo trong vụ án; xem xét nhân thân và đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy rằng trong vụ án này, các bị cáo là những cán bộ có nhân thân, đạo đức tốt (thể hiện quá trình công tác luôn hoàn thành nhiệm vụ và liên tục được khen thưởng); không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; nhất thời phạm tội, có một phần nguyên nhân từ sai sót trong chỉ đạo điều hành của cơ quan có thẩm quyền cấp trên, không có mục đích vụ lợi hoặc có động cơ cá nhân khác; bị cáo Phan Thị Ngọc Th làm công ăn lương, thực hiện nhiệm vụ theo chỉ đạo, lại là phụ nữ đang nuôi con nhỏ; xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự xử dưới khung hình phạt và áp dụng chính sách khoan hồng cho cả ba bị cáo; mặt khác các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết xử phạt tù mà cho các bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương theo Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ giáo dục cải tạo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều không có động cơ vụ lợi cá nhân nên không áp dụng hình phạt tiền, chỉ phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ trong thời hạn nhất định đối với các bị cáo, tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ kết luận giám định về thiệt hại của Sở tài chính, Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Nam xác định vụ án không gây ra thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng, gồm:

+ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy S21 màu đen thu giữ của Nguyễn Trung V không liên quan tội phạm trả lại cho Nguyễn Trung V;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Not 20 Untra màu đồng thu giữ của Lại Tuấn A không liên quan đến tội phạm trả lại cho Lại Tuấn A;

+ Đối với tổng số tiền 198.823.750 đồng (thu giữ của ông Nguyễn Văn Q87.743.750 đồng + chị Nguyễn Thị Q 73.080.000 đồng + ông Nguyễn Ngọc S 38.000.000 đồng) cần giao lại cho Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng để hoàn trả ngân sách nhà nước.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với ông Trần Đình C khi là Chủ tịch UBND thị trấn B có hành vi ký 16 hợp đồng cho thuê đất (từ năm 2015 - tháng 3/2017) trái thẩm quyền với tổng diện tích 86.367 m² với trị giá 3.924.400.000 đồng; ông Đào Hữu N là cán bộ địa chính thị trấn (từ năm 2000 đến 2016) đã tham mưu cho ông Trần Đình C ký 08 hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp với tổng diện tích 59.137 m², tiền thuê đất là 18.314.300 đồng. Đối với 09 hợp đồng do ông Nguyễn Trung V ký từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017 với tổng diện tích 28.477.000 m², có giá trị quyền sử dụng đất 1.423.000.000 đồng. Hành vi vi phạm trên của ông Trần Đình C, Đào Hữu N và Nguyễn Trung V, Cơ quan CSĐT áp dụng quy định của pháp luật theo hướng có lợi nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự về tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai” và ngày 13/12/2022 đã có báo cáo gửi UBND tỉnh Hà Nam xem xét, có biện pháp xử lý hành chính đối với ông Trần Đình C là phù hợp.

Đối với chị Dương Thị Thúy Ph (hiện là công chức tài chính thị trấn B): Quá trình thực hiện nhiệm vụ là kế toán, tài chính của UBND thị trấn, chị Ph đã tính toán áp giá cho thuê đất nông nghiệp để các bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A căn cứ ký hợp đồng cho thuê đất; Cơ quan CSĐT xác định chị Dương Thị Thúy Ph thực hiện đúng chuyên môn của mình, là người không biết, không trực tiếp quản lý đất đai, cho thuê đất và việc áp giá thuê đúng quy định pháp luật nên không xử lý hình sự và hành chính đối với chị là phù hợp.

Đối với các ông Vũ Công Đ - Nguyên Bí thư Đảng ủy; ông Nguyễn Văn S - Phó Bí thư Đảng ủy, ông Nguyễn Quyết Th - Phó Chủ tịch UBND, ông Lê Việt C - Chủ tịch UBMTTQ và ông Lê Anh T - Phó Chủ tịch UBND thị trấn B đã tham gia họp thống nhất chủ trương cho thuê đất trong Thường trực Đảng ủy thị trấn theo văn bản số 2619/UBND-NN-TN&MT ngày 07/12/2015, Cơ quan CSĐT xác định hành vi đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm do họ không là người trực tiếp được giao quản lý đất đai, không trực tiếp ký hợp đồng cho thuê đất nông nghiệp và ngày 13/12/2022 đã có báo cáo gửi UBND huyện Kim Bảng xem xét, xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với một số cá nhân như ông Dương Văn Kh - Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kim Bảng; ông Lại Văn M, ông Nguyễn Văn Th - đều là Phó giám đốc Sở tài nguyên và môi trường và ông Nguyễn Văn T - Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam có hành vi lập hồ sơ, thẩm định ký cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân thị trấn B, trong đó bao gồm cả diện tích đất nông nghiệp thuộc quản lý của UBND thị trấn B không đúng quy định của pháp luật; Cơ quan CSĐT xác định không đủ căn cứ xem xét xử lý về hình sự và ngày 13/12/2022 đã có báo cáo gửi UBND tỉnh Hà Nam xem xét, có biện pháp xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với các cá nhân có hành vi trốn thuế thu nhập gồm ông Nguyễn Văn Q, chị Nguyễn Thị Q, chị Ngô Thị Th, chị Trịnh Thị Đ, chị Trương Thị Minh Ph, anh Nghiêm Trọng N, ông Nguyễn Ngọc S, ông Vũ Mạnh H, bà Nguyễn Thị Thanh L kết quả điều tra xác định số tiền trốn thuế dưới 100.000.000 đồng nên không xem xét xử lý hình sự là phù hợp. Ghi nhận việc một số cá nhân đã nộp

lại số tiền thuế (ông Nguyễn Văn Q nộp 87.743.750 đồng, chị Nguyễn Thị Q đại diện nộp cho chị và cho anh Nghiêm Trọng N, chị Ngô Thị Th, chị Trịnh Thị Đ, chị Trương Thị Minh Ph số tiền 73.080.000 đồng , ông Nguyễn Ngọc S nộp 38.000.000 đồng). Đối với một số cá nhân, gồm: ông Vũ Mạnh H, bà Nguyễn Thị Thanh L chưa nộp 56.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc S chưa nộp 62.000.000 đồng, đề nghị Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng xử lý thu hồi tiền trốn thuế và xem xét có hình thức xử lý những cá nhân này theo quy định.

Đối với trách nhiệm những cá nhân có liên quan: ông Hoàng Văn L - thời điểm đó là Trưởng phòng tài nguyên môi trường huyện Kim Bảng đã tham mưu đề ông Phạm Hồng S - thời điểm đó là Chủ tịch UBND huyện Kim Bảng ký, ban hành báo cáo số 209/BC-UBND ngày 17/11/2015 và ông Trương Minh H - thời điểm đó là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam đã ký, ban hành Văn bản số 2619/UBND-NN&TM&MT ngày 07/12/2015 giao UBND thị trấn B ký hợp đồng cho thuê đất trái thẩm quyền. Cơ quan CSĐT xác định không đủ căn cứ xem xét xử lý về hình sự và ngày 13/12/2022 đã có báo cáo gửi Thường trực Tỉnh ủy, Lãnh đạo UBND tỉnh Hà Nam xem xét, có biện pháp xử lý hành chính là phù hợp.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt và vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 229; điểm h, s, v khoản 1 khoản 2 Điều 51 (khoản 2 áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Trung V và Lại Tuấn A); khoản 1 Điều 54; Điều 17; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTV Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A và Phan Thị Ngọc Th phạm tội “Vi phạm các quy định về quản lý đất đai”. Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Trung V 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm;

+ Bị cáo Lại Tuấn A 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm;

+ Bị cáo Phan Thị Ngọc Th 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng.

Thời hạn điều tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/5/2023).

Phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ đối với: Nguyễn Trung V, Lại Tuấn A mỗi bị cáo 03 năm, Phan Thị Ngọc Th 02 năm; thời điểm tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Nguyễn Trung V, Phan Thị Ngọc Th cho UBND thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lại Tuấn A cho UBND phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Xử lý vật chứng, áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy S21 màu đen thu giữ của Nguyễn Trung V không liên quan tội phạm trả lại cho Nguyễn Trung V;

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy Not 20 Untra màu đồng thu giữ của Lại Tuấn A không liên quan đến tội phạm trả lại cho Lại Tuấn A;

+ Đối với tổng số tiền 198.823.750 đồng (thu giữ của ông Nguyễn Văn Q 87.743.750 đồng + chị Nguyễn Thị Q 73.080.000 đồng + ông Nguyễn Ngọc S 38.000.000 đồng) giao lại cho Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng để hoàn trả ngân sách nhà nước.

(Tình trạng vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKS-P1 ngày 30/3/2023 và Ủy nhiệm chi số 1969 lập ngày 08/5/2023).

Kiến nghị Chi cục thuế khu vực Phủ Lý - Kim Bảng thực hiện biện pháp đề truy thu tiền thuế của các cá nhân gồm: ông Vũ Mạnh H, bà Nguyễn Thị Thanh L chưa nộp thuế số tiền 56.000.000 đồng, ông Nguyễn Ngọc S chưa nộp thuế số tiền 62.000.000 đồng và xử lý các cá nhân trên theo thẩm quyền.

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo, Người có QLNVLQĐVA;
- Lưu hồ sơ; HCTP Tòa án tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng

Về tình tiết giảm nhẹ: Nguyễn Trung V được tặng thưởng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam năm 2017, 2019; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp dân số của Bộ y tế năm 2013, nhiều Giấy khen của UBND huyện Kim Bảng; bố đẻ là ông Nguyễn Trần Kiên tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, là thương binh hạng $\frac{3}{4}$, thương tật 71% được tặng 01 Huân chương kháng chiến hạng nhì, 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng, 01 Huy chương kháng chiến hạng nhất; mẹ đẻ là bà Đinh Thị Toàn được tặng 01 Huy chương kháng chiến hạng nhất; Lại Tuấn A có ...là ông Đào Trọng Khúc được tặng 01 Huân chương chiến sỹ giải phóng hạng ba, Huy hiệu 45 năm tuổi Đảng, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2013, Bằng khen của Ban chỉ đạo 127/TW năm 2008 2009, 2011, 2012, Bằng khen của Bộ trưởng Bộ thương mại năm 2007, Bộ công thương năm 2010; bố đẻ Lại Văn Ánh được tặng 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang, Huân chương hữu nghị của Cam pu chia, 01 Huy chương chiến sỹ vẻ vang; mẹ đẻ được tặng Bằng khen của Bộ tư lệnh quân khu 31978, 1982, Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo 2008; Lại Tuấn A được tặng Chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2020, Giấy khen của UBND huyện Kim Bảng năm 2016 đến 2021; Phạm Thị Ngọc Thương: Giấy khen của UBND thị trấn B 2015, giai đoạn 2010 -2015, 2016, 2017, 2018, 2019 (của Thị trấn và 01 của UBND huyện Kim Bảng), chiến sỹ thi đua cơ sở năm 2013, 2014.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo, Bị hại;
- Lưu hồ sơ; HCTP Tòa án tỉnh.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Mạnh Hùng